



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Thông tin về Ngân hàng

Giấy phép Hoạt động số

0026/NH-GP

ngày 22 tháng 8 năm 1992

Giấy phép Hoạt động được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn là 99 năm kể từ ngày cấp.

Giấy phép Thành lập số

463/GP-UB

ngày 1 tháng 9 năm 1992

Giấy phép Thành lập được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh/
Doanh nghiệp số**

0300872315

ngày 1 tháng 9 năm 1992

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300872315 ngày 31 tháng 7 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Toàn
Ông Trần Ngô Phúc Vũ
Ông Phan Đình Tân
Ông Nguyễn Quốc Mỹ
Bà Võ Thị Tuyết Nga
Bà Đỗ Anh Thư

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Bà Triệu Kim Cân
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân
Bà Nguyễn Thùy Vân

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Thông tin về Ngân hàng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Ngọc Tâm	Tổng Giám đốc (từ ngày 11 tháng 5 năm 2018)
		Quyền Tổng Giám đốc (từ ngày 5 tháng 3 năm 2018 đến ngày 10 tháng 5 năm 2018)
		Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 4 tháng 3 năm 2018)
	Bà Lương Thị Cẩm Tú	Tổng Giám đốc (đến ngày 4 tháng 3 năm 2018)
	Bà Võ Thị Tuyết Nga Ông Lê Quang Quảng Ông Trần Khải Hoàn	Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 9 tháng 4 năm 2018)
Kế toán Trưởng	Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan	
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Quốc Toàn	Chủ tịch
Trụ sở đăng ký	Số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Ngân hàng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 89 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Ngân hàng sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Ngọc Tâm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 9 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 9 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 89.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-01-308/1



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 9 năm 2018

		Thuyết minh	30/6/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng	5	581.584	455.568
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	1.336.421	1.056.877
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	8.567.930	4.813.555
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		8.541.308	4.699.805
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		26.622	113.750
IV	Chứng khoán kinh doanh	8	131.918	131.918
1	Chứng khoán kinh doanh		144.141	144.141
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(12.223)	(12.223)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9	-	509
VI	Cho vay khách hàng		40.748.760	35.502.201
1	Cho vay khách hàng	10	41.362.362	36.345.540
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(613.602)	(843.339)
VIII	Chứng khoán đầu tư	12	8.740.776	10.180.067
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		4.884.172	4.696.948
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		4.301.641	5.673.424
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(445.037)	(190.305)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	413.374	412.605
1	Đầu tư vào công ty con		300.000	300.000
4	Đầu tư dài hạn khác		117.280	117.280
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(3.906)	(4.675)
X	Tài sản cố định		806.510	831.708
1	Tài sản cố định hữu hình	14	336.846	343.766
a	Nguyên giá		630.865	614.152
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(294.019)	(270.386)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	15	45.404	44.553
a	Nguyên giá		77.087	71.367
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(31.683)	(26.814)
3	Tài sản cố định vô hình	16	424.260	443.389
a	Nguyên giá		512.701	512.064
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(88.441)	(68.675)
XII	Tài sản Có khác	17	3.576.391	1.108.210
1	Các khoản phải thu		2.500.438	174.742
2	Các khoản lãi, phí phải thu		966.430	775.708
4	Tài sản Có khác		156.027	193.806
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(46.504)	(36.046)
TỔNG TÀI SẢN			64.903.664	54.493.218

	Thuyết minh	30/6/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
	NỢ PHẢI TRẢ		
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	18	1.976
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	19	8.965.387
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	8.514.368	6.779.286
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	451.019	845.036
III	Tiền gửi của khách hàng	20	48.423.014
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	9	1.053
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	21	10.267
VI	Phát hành giấy tờ có giá	22	2.405.993
VII	Các khoản nợ khác	23	1.227.815
1	Các khoản lãi, phí phải trả	882.083	890.543
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	345.732	163.085
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	61.035.505	50.852.665
	VỐN CHỦ SỞ HỮU		
VIII	Vốn chủ sở hữu	25	3.868.159
1	Vốn của tổ chức tín dụng	3.023.748	3.023.748
a	Vốn điều lệ	3.021.166	3.021.166
b	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định	10	10
c	Thặng dư vốn cổ phần	2.547	2.547
g	Vốn khác	25	25
2	Các quỹ	214.213	213.806
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(2.530)	-
5	Lợi nhuận chưa phân phối	632.728	402.999
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.868.159	3.640.553
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	64.903.664	54.493.218

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B02a/TCTD
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		Thuyết minh	30/6/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
I	NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN			
2	Cam kết giao dịch hối đoái	38	1.649.309	4.684.540
	Trong đó:			
	▪ Cam kết mua ngoại tệ		-	14.137
	▪ Cam kết bán ngoại tệ		-	59.636
	▪ Cam kết giao dịch hoán đổi		1.649.309	4.610.767
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	38	46.815	47.601
5	Bảo lãnh khác	38	345.887	382.042

Ngày 7 tháng 9 năm 2018

Người lập



Phùng Thị Ngọc Vân
Phó phòng Kế toán

Người kiểm soát



Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Tâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho
kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B03a/TCTD
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 Triệu VND	30/6/2017 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	26	2.354.513	1.620.163
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(1.594.636)	(1.247.892)
I	Thu nhập lãi thuần	26	759.877	372.271
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	27	48.994	35.525
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	27	(30.124)	(29.829)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	27	18.870	5.696
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	28	15.013	15.435
IV	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	(3.463)
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	60.708	83.685
5	Thu nhập từ hoạt động khác	30	20.974	13.628
6	Chi phí hoạt động khác	30	(9.157)	(1.678)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	30	11.817	11.950
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	31	77	63
VIII	Chi phí hoạt động	32	(520.995)	(387.186)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		345.367	98.451
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	33	(20.876)	4.477
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		324.491	102.928
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	(66.189)	(22.488)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	34	-	-
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(66.189)	(22.488)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		258.302	80.440

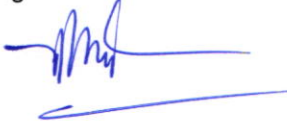
Ngày 7 tháng 9 năm 2018

Người lập



Phùng Thị Ngọc Vân
Phó phòng Kế toán

Người kiểm soát



Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Tâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2018 30/6/2017
Triệu VND Triệu VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	1.992.546	1.718.450
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(1.598.148)	(1.285.531)
03	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	18.640	5.424
04	Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	79.620	97.347
05	(Chi phí)/thu nhập khác	(7.530)	3.336
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	19.169	8.525
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ	(413.911)	(351.665)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong kỳ	(29.744)	(63)

**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước
những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động**

60.642 195.823

Những thay đổi về tài sản hoạt động

09	Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	387.028	(63.715)
10	Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	1.184.559	(425.332)
11	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	509	434
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(7.223.406)	(4.115.848)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(7)	(72)
14	Giảm khác về tài sản hoạt động	43.164	626.207

Những thay đổi về công nợ hoạt động

15	Giảm các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	(321.492)	(156)
16	Tăng tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	1.341.065	1.568.245
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	8.477.719	2.136.497
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá	513.880	1.870.763
19	Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(3.572)	(5.004)
20	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	1.053	-
21	Tăng khác về công nợ hoạt động	112.200	63.429

**I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH**

4.573.342 1.851.271

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho
kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B04a/TCTD
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2018 30/6/2017
Triệu VND Triệu VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	Mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương ứng	(24.954) (11.166)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.477 162
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	77 27.736
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(23.400) 16.732
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
04	Cổ tức trả cho cổ đông	(449) (316)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(449) (316)
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	4.549.493 1.867.687
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU KỲ	5.912.350 4.306.711
VI	ĐIỀU CHỈNH ẢNH HƯỞNG CỦA THAY ĐỔI TỶ GIÁ	(2.530) (763)
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ (THUYẾT MINH 35)	10.459.313 6.173.635

Ngày 7 tháng 9 năm 2018

Người lập



Phùng Thị Ngọc Vân
Phó phòng Kế toán

Người kiểm soát



Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Tâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này